

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai dự toán ngân sách Phường Nguyễn Du năm 2018**

Hôm nay, vào lúc 7 giờ 30 ngày 20/7/2018, tại trụ sở UBND phường Nguyễn Du - Thành phố Hà Tĩnh. Chúng tôi gồm có:

**I. ĐẠI DIỆN HĐND PHƯỜNG NGUYỄN DU**

1. Ông: Nguyễn Văn Trung - Chủ tịch HĐND

**II. ĐẠI DIỆN UBND PHƯỜNG NGUYỄN DU**

1. Ông: Nguyễn Thăng Long - Chủ tịch UBND

2. Bà: Lê Thị Thanh - Cán bộ kế toán

**III. ĐẠI DIỆN UB MẶT TRẬN TỔ QUỐC PHƯỜNG**

1. Ông: Nguyễn Văn Công - Chủ tịch UB MTTQ phường

**NỘI DUNG**

Tiến hành niêm yết công khai điều chỉnh dự toán ngân sách Phường Nguyễn Du năm 2018

- **Địa điểm niêm yết:** Trụ sở UBND Phường Nguyễn Du.

- **Hồ sơ niêm yết gồm có:**

+ Quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách 2018

+ Nghị quyết phân bổ thu, chi ngân sách năm 2017.

+ Nghị quyết điều chỉnh nhiệm vụ chi ngân sách năm 2018

+ Quyết định công bố công khai dự toán thu chi ngân sách phường năm 2018 và các mẫu biểu đính kèm:

Biểu số 109/CK TC- NSNN: Dự toán thu ngân sách Phường năm 2018

-Biểu số 110/CK TC – NSNN: Dự toán chi ngân sách Phường năm 2018

- **Thời gian niêm yết:** Bắt đầu từ 7 giờ 30 ngày 20/07/2018

Trong thời gian niêm yết mọi ý kiến đóng góp bằng văn bản của các ban ngành đoàn thể, nhân dân và liên đoàn cán bộ các khối phố xin được gửi về văn phòng UBND phường Nguyễn Du trước ngày 20/08/2018 để được tổng hợp giải quyết./.

Biên bản này được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 1 bản và lưu hồ sơ./.

**ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN  
CB KẾ TOÁN**

Lê Thị Thanh



Nguyễn Thăng Long

**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC**



Nguyễn Văn Công

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**



Nguyễn Văn Trung



*[Handwritten signature in blue ink]*

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
PHƯỜNG NGUYỄN DU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /NQ- HĐND

Phường Nguyễn Du, ngày 12 tháng 01 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2018**

**HĐND PHƯỜNG NGUYỄN DU KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ 4, NHIỆM KỲ 2016-2021**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ vào kế hoạch thu - chi ngân sách được UBND thành phố Hà Tĩnh giao năm 2018;

Sau khi xem xét Báo cáo thu - chi ngân sách năm 2017 và chỉ tiêu thu - chi ngân sách năm 2018 do UBND phường trình tại kỳ họp, ý kiến thẩm tra của Thường trực HĐND phường và các ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp thứ 4 HĐND phường khóa III, nhiệm kỳ 2016-2021.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhiệm vụ thu - chi ngân sách của phường Nguyễn Du năm 2018 như sau:

<b>I. Tổng thu ngân sách:</b>	<b>86.391.000.000 đồng</b>
Trong đó:	
A. Thu ngân sách theo chỉ tiêu kế hoạch:	84.158.000.000 đồng
1. Thuế ngoài quốc doanh:	13.630.000.000 đồng
* Thuế GTGT và TNDN:	13.412.000.000 đồng
- Thuế GTGT hộ cá thể:	2.122.000.000 đồng
- Thuế GTGT và TNDN:	11.290.000.000 đồng
* Thuế Tiêu thụ đặc biệt:	218.000.000 đồng
2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	685.000.000 đồng
3. Phí, lệ phí:	295.000.000 đồng
* Phí, lệ phí theo phân cấp:	215.000.000 đồng
* Lệ phí môn bài:	80.000.000 đồng
4. Lệ phí trước bạ:	1.100.000.000 đồng
5. Thu khác ngân sách :	300.000.000 đồng
6. Thuế thu nhập cá nhân:	2.248.000.000 đồng
7. Tiền thuê đất:	4.000.000.000 đồng

8. Tiền sử dụng đất:	61.800.000.000	đồng
9. Thu đóng góp Xây dựng cơ sở hạ tầng:	100.000.000	đồng
B. Thu bổ sung cân đối ngân sách:	2.233.000.000	đồng

## II. Phần thu ngân sách phường được hưởng: 5.198.000.000 đồng

Trong đó:

A. Thu ngân sách theo chỉ tiêu kế hoạch:	2.965.000.000	đồng
1. Thuế ngoài quốc doanh:	533.000.000	đồng
* Thuế GTGT và TNDN:	424.000.000	đồng
- Thuế GTGT hộ cá thể:	424.000.000	đồng
* Thuế Tiêu thụ đặc biệt:	109.000.000	đồng
2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	685.000.000	đồng
3. Phí, lệ phí:	247.000.000	đồng
* Phí, lệ phí theo phân cấp:	215.000.000	đồng
* Lệ phí môn bài:	32.000.000	đồng
4. Lệ phí trước bạ:	1.100.000.000	đồng
5. Thu khác ngân sách :	300.000.000	đồng
6. Thu đóng góp Xây dựng cơ sở hạ tầng:	100.000.000	đồng
B. Thu bổ sung cân đối ngân sách:	2.233.000.000	đồng

## III. Tổng chi ngân sách năm 2018: 5.198.000.000 đồng

Trong đó:

1. Chi đầu tư XDCB( từ nguồn huy động đóng góp):	100.000.000	đồng
2. Chi thường xuyên:	4.907.000.000	đồng
- An ninh:	36.000.000	đồng
- Quốc phòng và Dân quân tự vệ:	145.682.600	đồng
- Văn hoá và hoạt động cụm dân cư:	58.656.000	đồng
- Thể dục thể thao:	36.000.000	đồng
- Sự nghiệp xã hội:	160.318.800	đồng
- Quản lý nhà nước:	3.228.684.928	đồng
- Sự nghiệp kinh tế, quản lý đô thị:	385.428.000	đồng
- Chi khác Ngân sách:	77.500.800	đồng
- Chi trả nợ ứng cân đối NSTP:	114.000.000	đồng
- Tạo nguồn tăng lương :	114.728.872	đồng
- Chi thực hiện cải cách tiền lương:	550.000.000	đồng
3. Dự phòng ngân sách:	191.000.000	đồng

**Điều 2.** Một số giải pháp trong chỉ đạo thu ngân sách phần đầu vượt các chỉ tiêu đề ra

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, quản lý điều hành của UBND, sự vào cuộc của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, tham mưu đặc lực của đội thuế

và kế toán ngân sách; tăng cường công tác giám sát của HĐND. Tập trung khai thác tốt các nguồn thu nhằm thu đúng, thu đủ, tránh thất thu các nguồn thu trên địa bàn, phân đầu hoàn thành kế hoạch được giao.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ tài khoản, điều hành ngân sách đúng kế hoạch của HĐND phường giao, thực hiện chi tiêu đúng mục đích chế độ theo quy định của Luật ngân sách và các quy định hiện hành của Nhà nước. Tiết kiệm chi thường xuyên, quan tâm cho sự nghiệp xã hội, sự nghiệp kinh tế quản lý đô thị.

- Tập trung tuyên truyền huy động nguồn lực của nhân dân đóng góp cùng với cơ chế hỗ trợ đầu tư của tỉnh, thành phố và của Phường nhằm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị như: đường giao thông, hội quán, mương thoát bản, rãnh thoát nước, tiểu công viên... đầu tư phát triển các mô hình kinh tế, tiếp tục giữ vững phường đạt chuẩn văn minh đô thị, góp phần xây dựng thành phố đạt đô thị loại II vào năm 2018.

- Tăng cường việc kiểm tra huy động đóng góp của phụ huynh học sinh xây dựng cơ sở vật chất thông qua Pháp lệnh dân chủ cơ sở tại các trường học, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích yêu cầu đề ra, tránh thất thoát lãng phí, sử dụng sai mục đích. Nhằm đảm bảo cơ sở vật chất dạy và học, củng cố và nâng cao các tiêu chí, giữ vững chuẩn quốc gia mức độ II ở các trường học trên địa bàn.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

HĐND giao UBND phường căn cứ Nghị quyết HĐND thực hiện điều hành thu, chi đúng quy định của Luật ngân sách và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Đối với các khoản chi ngoài kế hoạch, UBND phường báo cáo Thường trực HĐND để thống nhất thực hiện và báo cáo tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này được HĐND phường Nguyễn Du khoá III (nhiệm kỳ 2016-2021), kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 12 /01/2018./.

#### **Nơi nhận:**

- T<sup>2</sup> HĐND, UBND Thành phố (B/C);
- Đ/c ủy viên thường vụ thành ủy phụ trách địa bàn;
- Tổ đại biểu HĐND thành phố bầu tại địa bàn;
- Phòng giao dịch KBNN Hà Tĩnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ phường;
- Các ban ngành liên quan;
- Đại biểu HĐND phường khóa III;
- Các TDP và các trường học trực thuộc phường;
- Lưu VP HĐND - UBND.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Trung**

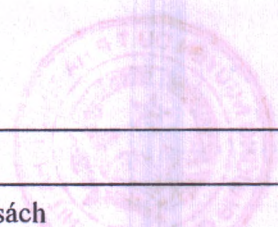


HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
PHƯỜNG NGUYỄN DU

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2018**  
(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 23/NQ- HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2018  
của HĐND Phường Nguyễn Du)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch UBND Thành Phố giao	Kế hoạch HĐND Phường giao
<b>A</b>	<b>Thu ngân sách</b>	<b>86.291.000.000</b>	<b>86.391.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách theo chỉ tiêu KH</b>	<b>84.058.000.000</b>	<b>84.158.000.000</b>
1	Thuế ngoài quốc doanh	13.630.000.000	13.630.000.000
1.1	Thuế GTGT và TNDN	13.412.000.000	13.412.000.000
-	Thuế GTGT Hộ cá thể	2.122.000.000	2.122.000.000
-	Thuế GTGT + TNDN của Doanh nghiệp	11.290.000.000	11.290.000.000
1.2	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	218.000.000	218.000.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	685.000.000	685.000.000
3	Phí, lệ phí	295.000.000	295.000.000
-	Phí, lệ phí theo phân cấp	215.000.000	215.000.000
-	Lệ phí môn bài	80.000.000	80.000.000
4	Lệ phí trước bạ	1.100.000.000	1.100.000.000
5	Thu khác ngân sách xã	300.000.000	300.000.000
6	Thuế thu nhập cá nhân	2.248.000.000	2.248.000.000
7	Tiền thuê đất	4.000.000.000	4.000.000.000
8	Tiền sử dụng đất	61.800.000.000	61.800.000.000
9	Thu đóng góp Xây dựng cơ sở hạ tầng		100.000.000
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung cân đối ngân sách</b>	<b>2.233.000.000</b>	<b>2.233.000.000</b>
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách phường được hưởng</b>	<b>5.098.000.000</b>	<b>5.198.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách theo chỉ tiêu KH</b>	<b>2.865.000.000</b>	<b>2.965.000.000</b>
1	Thuế ngoài quốc doanh	533.000.000	533.000.000
1.1	Thuế GTGT và TNDN	424.000.000	424.000.000
-	Thuế GTGT Hộ cá thể	424.000.000	424.000.000
1.2	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	109.000.000	109.000.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	685.000.000	685.000.000
3	Phí, lệ phí	247.000.000	247.000.000
-	Phí, lệ phí theo phân cấp	215.000.000	215.000.000
-	Lệ phí môn bài	32.000.000	32.000.000



4	Lệ phí trước bạ	1.100.000.000	1.100.000.000
5	Thu khác ngân sách	300.000.000	300.000.000
6	Thu đóng góp Xây dựng cơ sở hạ tầng		100.000.000
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung cân đối ngân sách</b>	<b>2.233.000.000</b>	<b>2.233.000.000</b>



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
PHƯỜNG NGUYỄN DU

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2018  
của HĐND Phường Nguyễn Du)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch UBND Thành Phố giao	Kế hoạch HĐND Phường giao		
			Tổng Dự toán	Trừ tiết kiệm ( 10%)	Dự toán sau khi trừ tiết kiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = -(4) x 10%	(6)= (4)+( 5)
	<b>Tổng chi ngân sách</b>	<b>5.098.000.000</b>	<b>5.198.000.000</b>	-	<b>5.198.000.000</b>
<b>A</b>	<b>Chi đầu tư XDCB( từ nguồn huy động đóng góp)</b>		<b>100.000.000</b>		<b>100.000.000</b>
<b>B</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.907.000.000</b>	<b>4.907.000.000</b>	-	<b>4.907.000.000</b>
<b>I</b>	<b>An ninh</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>	<b>(4.000.000)</b>	<b>36.000.000</b>
1	Hoạt động Bảo vệ dân phố		7.000.000	(700.000)	6.300.000
2	Hoạt động An ninh		33.000.000	(3.300.000)	29.700.000
<b>II</b>	<b>Quốc phòng+ Dân quân tự vệ</b>	<b>156.888.000</b>	<b>156.888.000</b>	<b>(11.205.400)</b>	<b>145.682.600</b>
	Phụ cấp Dân quân tự vệ+ thâm niên BCH Quân sự		44.834.000		44.834.000
2	Hoạt động		112.054.000	(11.205.400)	100.848.600
<b>III</b>	<b>Văn hoá+ cụm dân cư</b>	<b>65.000.000</b>	<b>65.000.000</b>	<b>(6.344.000)</b>	<b>58.656.000</b>
1	Văn hoá		30.000.000	(2.844.000)	27.156.000
-	Phụ cấp CNTT		1.560.000		1.560.000
-	Hoạt động Trạm truyền thanh		6.000.000	(600.000)	5.400.000
-	Hoạt động văn hóa khác		22.440.000	(2.244.000)	20.196.000
2	Hoạt động cụm dân cư		35.000.000	(3.500.000)	31.500.000
<b>IV</b>	<b>Thể dục thể thao</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>	<b>(4.000.000)</b>	<b>36.000.000</b>
<b>V</b>	<b>Sự nghiệp xã hội</b>	<b>166.000.000</b>	<b>166.000.000</b>	<b>(5.681.200)</b>	<b>160.318.800</b>
1	Hưu xã + BHYT Hưu xã	106.000.000	84.618.000		84.618.000
	Bảo hiểm y tế CCB+ QĐ				
2	62+QĐ 290		24.570.000		24.570.000
3	Sự nghiệp XH khác		56.812.000	(5.681.200)	51.130.800
<b>VI</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>	<b>3.296.000.000</b>	<b>3.276.000.000</b>	<b>(47.315.072)</b>	<b>3.228.684.928</b>
<b>1</b>	<b>Chi hành chính - khối UBND</b>		<b>1.837.115.200</b>	<b>(20.006.784)</b>	<b>1.817.108.416</b>
-	Lương và các khoản đóng góp của Cán bộ công chức khối UB		882.423.360		882.423.360
-	Tiền công hợp đồng+ trường, phó các tổ chức Hội XH		60.000.000		60.000.000
-	Phụ cấp Cán bộ không chuyên trách ở Phường+ Bảo hiểm		195.780.000		195.780.000

-	Phụ cấp tổ trưởng TDP		112.320.000		112.320.000
-	Phụ cấp tổ phó TDP		101.400.000		101.400.000
-	Tổ bảo vệ dân phố( Tổ trưởng+ tổ viên)		101.400.000		101.400.000
-	Phụ cấp cộng tác viên dân số KHHGD, nhân viên y tế		56.160.000		56.160.000
-	Phụ cấp Trưởng chi hội NCT tại các TDP		16.800.000		16.800.000
-	Phụ cấp Kế toán trưởng		1.560.000		1.560.000
-	Bảo hiểm tự nguyện cho CB hợp đồng		24.804.000		24.804.000
-	PC cho CB kiểm soát đầu môi		3.600.000		3.600.000
-	Công tác phí của CBCCC khối UBND		70.800.000		70.800.000
-	Chế độ bồi dưỡng tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo		10.000.000		10.000.000
-	Tuyên truyền pháp luật, Tủ sách Pháp luật		3.000.000	(300.000)	2.700.000
-	Hoạt động Dân số		4.000.000	(400.000)	3.600.000
-	Hoạt động Ban Thanh tra nhân dân		3.000.000	(300.000)	2.700.000
-	Nghiệp vụ phí		15.000.000	(1.500.000)	13.500.000
-	Văn phòng phí, mua vật rẻ		20.000.000	(2.000.000)	18.000.000
-	Nước văn phòng		12.000.000	(1.200.000)	10.800.000
-	Điện thấp sáng		25.000.000	(2.500.000)	22.500.000
-	Báo chí		24.000.000	(2.400.000)	21.600.000
-	Quỹ khen thưởng		20.000.000	(2.000.000)	18.000.000
-	Điện thoại + Internet		12.000.000	(1.200.000)	10.800.000
-	Mua sắm thiết bị, đồ dùng		17.000.000	(1.700.000)	15.300.000
-	Sửa chữa nhỏ		19.000.000	(1.900.000)	17.100.000
-	Hoạt động khác		26.067.840	(2.606.784)	23.461.056
<b>2</b>	<b>Hoạt động khối Đảng</b>		<b>550.000.000</b>	<b>(11.083.648)</b>	<b>538.916.352</b>
-	Lương và các khoản đóng góp		174.083.520		174.083.520
-	Công tác phí		10.800.000		10.800.000
-	Phụ cấp Cấp uỷ		70.200.000		70.200.000
-	Phụ cấp Bí thư chi bộ kiêm trưởng ban CTMT		123.240.000		123.240.000
-	Phụ cấp Chi uỷ viên kiêm thanh tra nhân dân		45.240.000		45.240.000
-	Phụ cấp uỷ ban kiểm tra		15.600.000		15.600.000
-	Hoạt động Tổ chức cơ sở Đảng		85.000.000	(8.500.000)	76.500.000
-	Chi hoạt động		25.836.480	(2.583.648)	23.252.832

<b>3</b>	<b>Hoạt động đoàn thể</b>		<b>683.500.000</b>	<b>(8.724.640)</b>	<b>674.775.360</b>
-	<b>Mặt trận tổ quốc Việt Nam</b>		<b>117.000.000</b>	<b>(2.007.072)</b>	<b>114.992.928</b>
+	Lương và các khoản đóng góp		70.649.280		70.649.280
+	Công tác phí		6.000.000		6.000.000
+	Phụ cấp PCT UB MTTQ		20.280.000		20.280.000
+	Hoạt động		20.070.720	(2.007.072)	18.063.648
-	<b>Đoàn thanh niên</b>		<b>119.000.000</b>	<b>(926.192)</b>	<b>118.073.808</b>
+	Lương và các khoản đóng góp		55.642.080		55.642.080
+	Công tác phí		4.800.000		4.800.000
+	Phụ cấp PBT Đoàn		4.056.000		4.056.000
+	Phụ cấp BT chi đoàn		45.240.000		45.240.000
+	Hoạt động		9.261.920	(926.192)	8.335.728
-	<b>Hội Phụ nữ</b>		<b>143.000.000</b>	<b>(976.832)</b>	<b>142.023.168</b>
+	Lương và các khoản đóng góp		60.259.680		60.259.680
+	Công tác phí		4.800.000		4.800.000
+	Phụ cấp PCT+ Bảo hiểm		22.932.000		22.932.000
+	Phụ cấp Chi hội trưởng		45.240.000		45.240.000
+	Hoạt động		9.768.320	(976.832)	8.791.488
-	<b>Hội Nông dân</b>		<b>137.000.000</b>	<b>(2.046.032)</b>	<b>134.953.968</b>
+	Lương và các khoản đóng góp		60.259.680		60.259.680
+	Công tác phí		4.800.000		4.800.000
+	Phụ cấp PCT Hội ND		20.280.000		20.280.000
+	Phụ cấp Chi hội trưởng		31.200.000		31.200.000
+	Hoạt động		20.460.320	(2.046.032)	18.414.288
-	<b>Hội Cựu chiến binh</b>		<b>149.000.000</b>	<b>(918.512)</b>	<b>148.081.488</b>
+	Lương và các khoản đóng góp		69.494.880		69.494.880
+	Công tác phí		4.800.000		4.800.000
+	Phụ cấp PCT Hội CCB		20.280.000		20.280.000
+	Phụ cấp Chi hội trưởng		45.240.000		45.240.000
+	Hoạt động		9.185.120	(918.512)	8.266.608
-	Hội Người cao tuổi		4.000.000	(400.000)	3.600.000
-	Hội chữ thập đỏ		2.500.000	(250.000)	2.250.000
-	Hội Khuyến học		2.500.000	(250.000)	2.250.000
-	Hội cựu giáo chức		2.500.000	(250.000)	2.250.000
-	Hội nạn nhân chất độc da cam Dioxin		4.500.000	(450.000)	4.050.000
-	Hội Thanh niên xung phong		2.500.000	(250.000)	2.250.000
<b>4</b>	<b>Hoạt động HĐND</b>		<b>205.384.800</b>	<b>(7.500.000)</b>	<b>197.884.800</b>
-	Phụ cấp Sinh hoạt phí Đại biểu HĐND		117.000.000		117.000.000
-	Phụ cấp Kiêm nhiệm		13.384.800		13.384.800

-	Kinh phí hoạt động		75.000.000	(7.500.000)	67.500.000
<b>VII</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế, quản lý đô thị</b>	<b>413.000.000</b>	<b>413.000.000</b>	<b>(27.572.000)</b>	<b>385.428.000</b>
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>264.000.000</b>	<b>258.000.000</b>	<b>(25.800.000)</b>	<b>232.200.000</b>
1.1	Khuyến nông, thú y		30.000.000	(3.000.000)	27.000.000
1.2	Địa chính		12.000.000	(1.200.000)	10.800.000
1.3	Tổ chức thống kê		15.000.000	(1.500.000)	13.500.000
1.4	Thủy lợi( bao gồm thủy lợi phí, đất trồng lúa)	38.000.000	45.000.000	(4.500.000)	40.500.000
1.5	Giao thông		30.000.000	(3.000.000)	27.000.000
1.6	Môi trường		30.000.000	(3.000.000)	27.000.000
1.7	Sự nghiệp kinh tế khác		96.000.000	(9.600.000)	86.400.000
<b>2</b>	<b>Đô thị</b>		<b>155.000.000</b>	<b>(1.772.000)</b>	<b>153.228.000</b>
*	Lương	111.000.000	137.280.000		137.280.000
*	Hoạt động		17.720.000	(1.772.000)	15.948.000
<b>VIII</b>	<b>Chi khác Ngân sách</b>	<b>180.112.000</b>	<b>86.112.000</b>	<b>(8.611.200)</b>	<b>77.500.800</b>
1	Hoạt động tổ chức Công đoàn		15.000.000	(1.500.000)	13.500.000
2	Trung tâm học tập cộng đồng		3.000.000	(300.000)	2.700.000
3	Ban vì sự tiến bộ BDG của phụ nữ		5.000.000	(500.000)	4.500.000
4	Thuế		10.000.000	(1.000.000)	9.000.000
5	Chi khác còn lại		53.112.000	(5.311.200)	47.800.800
<b>IX</b>	<b>Chi trả nợ ứng Cân đối NSTP từ các năm trước( 2012 - 2015) do hụt thu để chi trả lương</b>		<b>114.000.000</b>		<b>114.000.000</b>
<b>X</b>	<b>Tạo nguồn tăng lương</b>			<b>114.728.872</b>	<b>114.728.872</b>
<b>XI</b>	<b>Chi thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>550.000.000</b>	<b>550.000.000</b>		<b>550.000.000</b>
<b>C</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>191.000.000</b>	<b>191.000.000</b>		<b>191.000.000</b>